

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 1
TRƯỜNG TIỂU HỌC KHAI MINH

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục tiểu học thực tế, năm học 2022 – 2023

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Tổng số học sinh	700	97	129	117	155	202
II	Số học sinh học 2 buổi/ngày	700	97	129	117	155	202
III	Số học sinh chia theo năng lực, phẩm chất						
	Năng lực 1: Tự phục vụ						
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)		83,5%	80,6%	68%	94,2%	97%
2	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)		15,5%	19,4%	32%	5,8%	3%
3	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)		1,0%	0	0	0	0
	Năng lực 2: Hợp tác						
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)		95,9%	89,9%	80%	94,8%	95,5%
2	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)		4,1%	10,1%	20%	5,2%	4,5%
3	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)		0	0	0	0	0
	Năng lực 3: Tự học giải quyết vấn đề						
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)		91,8%	79,1%	53%	85,5%	95,5%
2	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)		8,2%	20,9%	47%	14,5%	4,5%
3	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)		0	0	0	0	0
	Phẩm chất 1: Chăm học chăm làm						
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)		85,6%	83,7%	72%	85,8%	93,6%
2	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)		13,4%	16,3%	28%	14,2%	6,4%
3	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)		0	0	0	0	0

1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)		92,8%	89,1%	79%	87,7%	94,1%
2	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)		7,2%	10,9%	21%	12,3%	5,9%
3	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)		0	0	0	0	0
	Phẩm chất 3: Trung thực, kỷ luật						
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)		96,9%	99,2%	96%	89,7%	98%
2	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)		3,1%	0,8%	4%	10,3%	2%
3	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)		0	0	0	0	0
	Phẩm chất 4: Đoàn kết, yêu thương						
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)		96,9%	100%	99%	95,5%	98%
2	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)		3,1%	0	1%	4,5%	2%
3	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)		0	0	0	0	0
IV	Số học sinh chia theo kết quả học tập						
	Môn Tiếng Việt						
1	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)		76,3%	65,1%	65%	72,9%	90,6%
2	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)		19,6%	31,7%	35%	27,1%	9,4%
3	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)		4,1%	3,1%	0	0	0
	Môn Toán						
1	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)		83,5%	83,72%	60%	69,7%	95,5%
2	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)		14,4%	16,28%	40%	30,3%	4,5%
3	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)		2,1%	0	0	0	0
	Môn Đạo đức						
1	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)		86,6%	87,6%	85%	92,9%	97,5%
2	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)		13,4%	12,4%	15%	7,1%	2,5%
3	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)		0	0	0	0	0

3	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)		0	0	0	0	0
Môn Tự nhiên – Xã hội							
1	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)		88,66%	82,95%	82%		
2	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)		11,34%	17,05%	18%		
3	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)		0	0	0		
Môn Khoa học							
1	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)					95,5%	98,5%
2	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)					4,5%	1,5%
3	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)					0	0
Môn Lịch sử - Địa lí							
1	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)					73,5%	94,1%
2	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)					26,5%	5,9%
3	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)					0	0
Môn Tiếng Anh							
1	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)				74%	73,5%	84,7%
2	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)				26%	26,5%	15,3%
3	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)				0	0	0
Môn Tin học							
1	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)				61%	70,3%	86,1%
2	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)				39%	29,7%	13,9%
3	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)				0	0	0
Môn Hát – Nhạc							
1	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)		79,4%	80,62%	80%	79,4%	85,1%

	(tỷ lệ so với tổng số)						
Môn Mỹ thuật							
1	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)		81,4%	77,52%	73%	87,8%	75,2%
2	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)		18,6%	22,48%	27%	12,2%	24,8%
3	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)		0	0	0	0	0
Môn Thủ công – Kỹ thuật							
1	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)					68,4%	73,8%
2	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)					31,6%	26,2%
3	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)					0	0
Môn Thể dục							
1	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)		100%	99,22%	97%	100%	100%
2	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)		0	0,78%	3%	0	0
3	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)		0	0	0	0	0
V	Tổng hợp kết quả cuối năm						
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)		95,9%	96,9%	100%	100%	100%
a	Trong đó: HS được khen thưởng cấp trường (tỷ lệ so với tổng số)		63,9%	55%	34%	94,8%	100%
b	HS được cấp trên khen thưởng (tỷ lệ so với tổng số)						
2	Ở lại lớp (tỷ lệ so với tổng số)						0

Quận, ngày 15 tháng 6 năm 2023



Nguyễn Ngọc Hạnh